

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **10/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 28-4-2021
“V/v ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hạnh và bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm T, thôn N, xã Nh, thị xã A, tỉnh B. (có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Trung Th, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện đề và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Trung Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi cưới thì vợ chồng về sống chung tại nhà ở thôn N, xã Nh, thị xã A, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2019 thì ông Th bị bắt ở tù về tội trộm cắp, sau khi mãn hạn tù đến tháng 9/2019 thì ông Th ra tù, từ ngày đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông Th thường xuyên đánh đập tôi, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau, đến giữa tháng 12/2019 ông Th bỏ đi lên Buôn Hồ từ đó cho đến nay, hiện nay chúng tôi đã sống ly thân, không còn sống chung với nhau nữa. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân

không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Trung Th.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Trung Th trình bày:* Tôi và chị Lê Thị D có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn N, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, giữa tôi với bố mẹ vợ mâu thuẫn nên tôi đã bỏ đi làm ăn xa tại thành phố Q, tỉnh B, bản thân tôi vẫn còn yêu thương vợ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết được đoàn tụ với nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Trung Th chỉ tới Tòa án để viết bản tự khai, sau đó đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Ngày 16/9/2020 Tòa án nhân được đơn khởi kiện của bà Lê Thị D, ngày 05/10/2020 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của chị D là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Trần Trung Th không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngày 12/3/2021 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 28/4/2021 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Trần Trung Th có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là vào tháng 9/2019 sau khi ông Th ra tù về tội trộm cắp tài sản, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông Th thường xuyên đánh đập bà D, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau, đến giữa tháng 12/2019 ông Th bỏ đi lên thị xã B từ đó cho đến nay, hiện nay giữa ông

Th, bà D đã sống ly thân, không còn sống chung với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên bà D đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho ly hôn với anh Trần Trung Th. Anh Th cho rằng giữa anh Th với chị D không có mâu thuẫn trầm trọng nên mong muốn được đoàn tụ với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản lấy lời khai đối với ông Lê Văn B (cha ruột chị Lê Thị D) là người chung sống gần nhà với anh Th, chị D xác nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đến tháng 10/2020 thì anh Th đã bỏ đi khỏi nhà không còn chung sống với chị D nữa. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị D và anh Trần Trung Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Lê Thị D và anh Trần Trung Th ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D, anh Th không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị D được quyền ly hôn với anh Trần Trung Th.

2. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Diệu phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0015602 ngày 25/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- UBND P. Đoàn Kết;
- UBND Nhơn Tân, tx. An Nhơn;
- Chi cục THA dân sự Tx. Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Anh Tuấn

